

Bản án số: 11/2024/KDTM-ST

Ngày: 17-7-2024.

V/v “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Hữu Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Thanh Tâm**.

2. Ông **Trần Văn Bé Hai**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 17/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2024/TLST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 294/2024/QĐST-KDTM ngày 21/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T1;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Võ Kim N – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N là ông Võ Minh S – Chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Số B, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Công ty TNHH T1;

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hồng T – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ F, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất thành phố C;

Địa chỉ: Số A, đường L, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T1 có mặt;

Công ty TNHH T1; Ban Q đất thành phố C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (TNHH) Toàn Đ VMS ủy quyền cho ông Võ Minh S trình bày: Ngày 05/4/2023, Công ty TNHH T1 (gọi tắt Công ty T1) có ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty TNHH T1 (gọi tắt Công ty T1) hợp đồng số 02/2023/HĐKT về việc cung cấp và trồng cây xanh thuộc công trình Hoa viên cấp UBND phường Hòa Thuận của dự án do Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất thành phố C làm chủ đầu tư. Theo thỏa thuận hợp đồng tại Điều 4 - mục 4.3 và mục 4.4 thì Công ty T1 có tạm ứng trước cho bên Công ty T1 giá trị là 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng). Sau khi Công ty T1 thi công xong thì Công ty T1 sẽ thanh toán tiếp cho Công ty T1 là 64.125.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và Công ty T1 chăm sóc bảo dưỡng thêm 3 tháng thì Công ty T1 sẽ thanh toán thêm 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) số tiền còn lại nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Tuy nhiên, khi đến thời gian Nghiệm thu bàn giao công trình thì Công ty T1 đã phát đề nghị thanh toán mà công ty T1 có hẹn qua điện thoại hứa vài ngày phía chủ đầu tư thanh toán cho bên Công ty T1 thì bên đó sẽ thanh toán lại cho Công ty T1. Nhưng khi nhận được tiền thì Công ty T1 vẫn không thanh toán cho Công ty T1. Theo phía công ty được biết hiện nay Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất thành phố C đang giữ số tiền xóa bảo hành của Công ty T1 là 317.786.000 đồng. Nay Công ty T1 yêu cầu Tòa án xem xét số tiền trên của chủ đầu tư đang giữ để thanh toán trả cho Công ty T1 94.1250.000 đồng. Tại phiên tòa, Công ty T1 không yêu cầu xem xét đối với số tiền hiện nay Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất thành phố C đang giữ (quản lý). Nay Công ty TNHH T1 yêu cầu Công ty TNHH T1 trả công nợ cho Công ty TNHH T1 số tiền là 94.125.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, Công ty T1 không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

2. Đối với các bị đơn là Công ty TNHH T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất thành phố C đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại

phiên tòa sơ thẩm.

*** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:**

- Tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp:
- + Hợp đồng số 02/2023/H ĐKT ngày 05/4/2023 (bản photo);
- + Biên bản nghiệm thu bàn giao và thanh lý hợp đồng ngày 15/6/2023 (bản photo).
- Các bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH T1 trả cho Công ty T1 số tiền còn nợ là 94.125.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa (cung cấp và trồng cây xanh)*” theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các đương sự theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại và tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu, xét thấy: Hợp đồng mua bán hàng hóa được xác lập vào ngày 05/4/2023, đến nay nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 của Luật thương mại.

[4] Về tố tụng, xét thấy: Công ty TNHH T1 và Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất thành phố C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 xác định hiện nay các bên chỉ tranh chấp số tiền trên, không tranh chấp số tiền nào khác; không tranh chấp quan hệ pháp luật nào khác; ngoài các đương sự trên thì cũng không liên quan đến đương sự nào khác nữa và cũng xác định hiện nay Công ty TNHH T1 vẫn đang còn tồn tại và hoạt động.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 về việc yêu cầu Công ty TNHH T1 trả cho Công ty T1 số tiền còn nợ là 94.125.000 đồng và không yêu cầu tính lãi là hoàn toàn có căn cứ, bởi lẽ: Vào ngày 05/4/2023, Công ty TNHH T1 có ký hợp đồng mua bán hàng hóa (cung cấp và trồng cây xanh) với Công ty TNHH T1. Theo đó Công ty T1 (cung cấp) và trồng cây xanh cho Công

ty T1 thuộc công trình Hoa viên UBND phường H của dự án do Ban quản lý Dự án và Phát triển quỹ đất thành phố C làm chủ đầu tư. Nội dung và hình thức của hợp đồng là phù hợp với pháp luật, việc hai bên ký hợp đồng là tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi hoàn thành công trình phía Công ty T1 nhiều lần liên hệ Công ty T1 thanh toán số tiền trên nhưng đến nay phía Công ty TNHH T1 vẫn chưa thanh toán. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty TNHH T1 cũng không có ý kiến hay phản đối gì về việc khởi kiện của Công ty TNHH T1. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định Công ty TNHH T1 còn nợ Công ty T1 số tiền mua bán hàng hóa (cung cấp và trồng cây xanh) 94.125.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì không còn chứng cứ nào khác và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác.

[7] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 nên Công ty TNHH T1 phải chịu 4.706.000 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Công ty TNHH T1 không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.353.000 đồng theo biên lai số 0008378 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 3, Điều 24, 35, 50, 55, 317 và 319 của Luật thương mại; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 30, Điều 35, Điều 40, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (TNHH) Toàn Đ VMS.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (TNHH) trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 (TNHH) Toàn Đ VMS số tiền 94.125.000 đồng (Chín mươi bốn triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí:

+ Công ty TNHH T1 phải chịu 4.706.000 đồng tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

+ Công ty TNHH T1 không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.353.000 đồng theo biên lai số 0008378 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Tòa án Tỉnh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hữu Chinh